

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2013

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013 CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty cổ phần Sông Đà 10 diễn ra từ 7h 30 phút - 11h 30 phút ngày 16 tháng 4 năm 2013 tại Hội trường Công ty CP Sông Đà 10, tầng 10 khu B tòa nhà HH4 Sông Đà Holdings đường Phạm Hùng - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội.

Tham dự đại hội có 118 cổ đông và đại diện được uỷ quyền; sở hữu 16.044.340 cổ phần, tương ứng 76,18 % vốn điều lệ Công ty.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP SÔNG ĐÀ 10
QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện KHSXKD năm 2012 và kế hoạch SXKD năm 2013 với những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

1) Kết quả SXKD năm 2012:

- a) Tổng giá trị SXKD thực hiện: 1.186,074/1.048,4 tỷ đồng, đạt 113,1% KH năm.
 - Giá trị kinh doanh xây lắp: 1.134,7/973,4 tỷ đồng, đạt 116,6% KH năm.
 - Giá trị kinh doanh ngoài xây lắp: 51,37/75 tỷ đồng, đạt 68,5% KH năm.
- b) Doanh số thực hiện: 1.387,080/1.247,520 tỷ đồng, đạt 111,2% KH năm.
- c) Doanh thu thực hiện: 1.271,193/1.134,109 tỷ đồng, đạt 112,1% KH năm.
- d) Nộp ngân sách thực hiện: 82,035 /84,654 tỷ đồng, đạt 98,1% KH năm.
- e) Lợi nhuận trước thuế thực hiện: 119,726/113,411 tỷ đồng, đạt 105,6% KH năm.
- g) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thực hiện: 9,4%/10%, đạt 94% KH năm.
- k) Thu nhập bình quân CBCNV đạt: 9,08/8,58 triệu đồng/tháng, đạt 105,8% KH năm.
- m) Giá trị đầu tư: 0 đồng.

2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

- a) Tổng giá trị SXKD: 872,800 tỷ đồng.
 - Giá trị kinh doanh xây lắp: 831,11 tỷ đồng.
 - Giá trị kinh doanh ngoài xây lắp: 41,7 tỷ đồng.
- b) Doanh số: 1.032,813 tỷ đồng.
- c) Doanh thu: 938,920 tỷ đồng.
- d) Nộp ngân sách: 60,135 tỷ đồng.
- e) Lợi nhuận trước thuế: 80,750 tỷ đồng.
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu: 8,6%.
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ: 30,4%.
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 13,3%.

- g) Vốn chủ sở hữu: 530,492 tỷ đồng.
 h) Vốn điều lệ : 210,60 tỷ đồng.
 i) Thu nhập bình quân CBCNV: 8,9 triệu đồng/tháng.
 k) Tỷ lệ trả cổ tức năm 2013: 15%.
 m) Kế hoạch đầu tư: 112,5 tỷ đồng.

- Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh: 40 tỷ đồng.
- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công: 72,5 tỷ đồng.

Biểu quyết chấp thuận với 16.044.340 cổ phần, đạt 100 % số cổ phần hiện diện

Điều 2: Thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Biểu quyết chấp thuận với 16.028.640 cổ phần, đạt 99,9 % số cổ phần hiện diện

Điều 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2012 và kế hoạch hoạt động năm 2013.

Biểu quyết chấp thuận với 16.033.440 cổ phần, đạt 99,93 % số cổ phần hiện diện

Điều 4. Thông qua báo cáo kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Ban kiểm soát.

Biểu quyết chấp thuận với 15.989.000 cổ phần, đạt 99,96 % số cổ phần hiện diện

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Tổng lợi nhuận thực hiện trước thuế	119.726.204.653
1	Lợi nhuận của SD10	104.787.399.909
2	Lợi ích đầu tư vào công ty con (Sông Đà 10.1)	12.095.185.100
3	Lợi ích đầu tư vào công ty liên kết (Sông Đà 10.9)	2.843.619.644
II	Lợi nhuận phân phối năm 2012	
1	Lợi nhuận thực hiện (chưa phân phối lợi ích tại Cty con, Cty liên kết)	104.787.399.909
2	Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư không tính thuế	5.828.330.400
3	Các khoản chi phí loại trừ (phải tính thuế TNDN)	2.552.820.865
4	Tổng lợi nhuận chịu thuế (1-2+3)	101.511.890.374
4.1	- Thu nhập không được giảm thuế (thuế suất 25%)	11.370.229.654
4.2	- Thu nhập được giảm thuế (thuế suất 17,5%)	90.141.660.720
5	Thuế TNDN	25.377.972.593
5.1	Thuế TNDN phải nộp	18.617.348.039
5.2	Thuế TNDN được giảm bổ sung quỹ ĐTPT.	6.760.624.554
6	Lợi nhuận còn lại phân phối vào các quỹ(=1-5)	79.409.427.316
6.1	Thù lao của thành viên HĐQT, BKS không	348.000.000

	chuyên trách.	
6.2	Quỹ dự phòng tài chính 5% LNST (= 6*5%)	3.970.471.366
6.3	Quỹ đầu tư phát triển (Tổng số tăng quỹ ĐTPT là 35.502.637.773 đồng)	28.742.013.219
6.4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.440.942.732
	- Số trích	7.940.942.732
	- Quỹ thưởng BQL, BDH.	500.000.000
6.5	Chia cổ tức 18% bằng tiền	37.908.000.000

Biểu quyết chấp thuận với 15.997.120 cổ phần, đạt 99,71 % số cổ phần hiện diện

Điều 6. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012 và Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2013:

6.1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2012:

- Tổng tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2012: 1.320.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Lương cả năm của Chủ tịch HĐQT : 720.000.000 đồng.

+ Thù lao của TVHĐQT, Trưởng BKS : 8.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thù lao của thành viên BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng.

- Lương, thù lao đã trả trong năm 2012: 650.000.000 đồng.

- Lương, thù lao còn phải trả: 670.000.000 đồng.

6.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2013:

- Tiền lương của chủ tịch HĐQT được xác định theo công thức:

$$TL_{\text{năm}} = \text{Lợi nhuận năm} \times 0,9\% \times H1 \times H2$$

Trong đó:

+ TL_{năm}: tiền lương được hưởng trong năm.

+ Lợi nhuận năm: Là tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty (Bao gồm lợi nhuận của CTCP Sông Đà 10, cổ tức được chia, lợi ích tại các Công ty con, Công ty liên kết).

+ H1: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Doanh thu năm.

+ H2: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Sản lượng năm.

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT không quá 720.000.000 đồng/năm.

- Tiền thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm soát được xác định theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của Công ty với các mức sau:

* Nếu các chỉ tiêu như: Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận thực hiện \geq 100% kế hoạch năm:

- Thành viên hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát được hưởng thù lao là 8.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên ban kiểm soát được hưởng thù lao là 5.000.000 đồng/tháng

* Nếu các chỉ tiêu: Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận thực hiện $<$ 100% kế hoạch năm:

J.N
 C
 ỨNG
 TP

- Thành viên Hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát được hưởng thù lao là: 8.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x tỷ lệ hoàn thành KH năm.

- Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao là: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x tỷ lệ hoàn thành KH năm.

Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị được tạm ứng hàng tháng với mức 35.000.000 đồng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hàng quý bằng 90% mức tối đa được hưởng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

Thời gian áp dụng kể từ 01/01/2013.

Biểu quyết chấp thuận với 15.991.020 cổ phần, đạt 99,67% số cổ phần hiện diện

Điều 7. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.

- Đơn vị kiểm toán: ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số những đơn vị kiểm toán như sau:

+ Công ty TNHH kiểm toán và kế toán A&C.

+ Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP HCM (AISC).

+ Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

- Nội dung kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 và soát xét báo cáo bán niên.

- Phí kiểm toán: ủy quyền cho HĐQT quyết định.

- Địa điểm thực hiện: Tại đơn vị.

Biểu quyết chấp thuận với 16.042.340 cổ phần, đạt 99,99 % số cổ phần hiện diện

Điều 8. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS:

1) Đại hội đã miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ II đồng thời bầu bổ sung như sau:

a) Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Sự:

Biểu quyết: Chấp thuận với 16.039.340 cổ phần, đạt 99,97% số cổ phần hiện diện.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Sự không còn là thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 10 kể từ ngày 16/4/2013.

b) Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ II:

- Ông Trần Tuấn Linh trúng cử làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ II.

Biểu quyết: Chấp thuận với 16.044.340 phiếu, đạt 100 % số phiếu biểu quyết.

Như vậy, ông Trần Tuấn Linh là thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 10 kể từ ngày 16/4/2013.

2) Đại hội miễn nhiệm 02 thành viên BKS nhiệm kỳ II đồng thời bầu bổ sung như sau:

a) Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với ông Nguyễn Văn Thắng:

Biểu quyết: Chấp thuận với 16.039.340 cổ phần, đạt 99,97 % số cổ phần hiện diện.

Như vậy, ông Nguyễn Văn Thắng không còn là thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 10 kể từ ngày 16/4/2013.

b) Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Nguyễn Thị Huệ:

Biểu quyết: Chấp thuận với 16.022.960 cổ phần, đạt 99,87 % số cổ phần hiện diện.

59
ÔNG
PH
ĐÀ
HÀ

Như vậy, bà Nguyễn Thị Huệ không còn là thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 10 kể từ ngày 16/4/2013.

c) Bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kì II:

- Ông Phạm Văn Phú trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kì II.

Biểu quyết: Chấp thuận với 15.573.340 phiếu, đạt 97,06 % số phiếu biểu quyết.

- Bà Lê Thị Mai Hương trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kì II.

Biểu quyết: Chấp thuận với 15.168.940 phiếu, đạt 94,54 % số phiếu biểu quyết.

Như vậy, ông Phạm Văn Phú và bà Lê Thị Mai Hương là thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 10 kể từ ngày 16/4/2013.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (có nội dung sửa đổi kèm theo):

Biểu quyết: Chấp thuận với 16.012.520 cổ phần, đạt 99,8 % số cổ phần hiện diện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Nơi nhận:

- Như điều 10;
- Các cổ đông;
- Website Công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VP, HĐQT.

T/M ĐHQĐ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
CHỦ TOA - CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Ngọc Lan

11/01/2013

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

(Kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013)

- 1) Sửa tên “Tập đoàn Sông Đà” thành “Tổng công ty Sông Đà” trong nội dung của Điều lệ.
- 2) Sửa đổi đoạn cuối Khoản 1 Điều 6 như sau: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 3) Bỏ Điều 9.
- 4) Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 5) Bỏ khoản 2 Điều 31 và chuyển khoản 3 Điều 31 thành khoản 2 - Điều 31 (vì nội dung khoản 2 hiện nay trùng lặp với nội dung khoản 1 sau khi đã sửa đổi ở trên).
- 6) Sửa đổi khoản 3, Điều 32 như sau:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

- 7) Bỏ Khoản 6 Điều 40.

8) Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. (Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống).

9) Bỏ khoản 2 Điều 41.

10) Sửa đổi bổ sung khoản 6 Điều 50 như sau:

Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc bị bãi nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị thì có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

11) Bổ sung khoản 1 Điều 62 như sau:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận tài chính kế toán của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

12) Sửa phần đầu Khoản 2 Điều 62 như sau: Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng

13) Sửa Khoản 4 Điều 63 như sau: Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.